TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1018/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2017
V/v Ly hôn giữa ông T và bà P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Trần Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 616/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T Sinh năm 1965

Địa chỉ: Đường Tỉnh lộ A, tổ B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà P Sinh năm 1966

Địa chỉ: Đường Tỉnh lộ A, tổ B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông T và bà P có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông T trình bày: Ông T và bà P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/8/1985. Sau khi về chung sống với nhau, vợ chồng ông sống tại địa chỉ căn nhà số Đường Tỉnh lộ A, tổ B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2006, đỉnh điểm vào năm 2010, nguyên

nhân là do trong quá trình chung sống, ông T phát hiện bà P là người sống không trung thực, dối gạt chồng con để đi chơi cờ bạc, đặt chuyện nói xấu chồng, gây gổ trước mặt con cái làm con cái nhìn bố với góc độ không tốt, bản thân bà P là người sống không có trách nhiệm với gia đình, ngoài ra trong cuộc sống bà P thường hay có những lời lẽ xúc phạm chồng dẫn đến vợ chồng nhiều lần xô xát nhau. Mâu thuẫn kéo dài nên từ năm 2016 đến nay mặc dù vợ chồng vẫn còn chung sống chung nhà nhưng hai người đã sinh hoạt riêng (không còn ăn ở chung). Ông T xác định thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng hàn gắn không còn nên ông T kiện yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà P có 03 người con chung tên T1, sinh năm: 1987; T2, sinh năm: 1992 và T3, sinh ngày: 28/02/2002. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Ý, không yêu cầu bà P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai cháu Đình Thanh và Đình Phương đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà P trình bày: Bà P đồng ý với phần trình bày của ông T về điều kiện tiến tới hôn nhân giữa bà P và ông T. Trong quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc, tuy đôi lúc có những mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống hôn nhân chủ yếu là do ông T thường xuyên đi sớm về khuya dẫn đến vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau nhưng vợ chồng vẫn luôn gắn bó, bản thân bà luôn sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Việc ông T đưa ra lý do cho rằng bà P có lỗi dẫn đến xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là không đúng sự thật. Bà P khẳng định hôn nhân giữa bà và ông T vẫn còn tồn tại, tình cảm gia đình vẫn gắn bó, bà P nhận thấy không có lỗi gì trong đời sống hôn nhân của vợ chồng, bà vẫn còn thương chồng và mong muốn được đoàn tụ, vì vậy bà P không đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà P và ông T có 03 người con chung tên T1, sinh năm: 1987; T2, sinh năm: 1992 và T3, sinh ngày: 28/02/2002. Bà P không đồng ý ly hôn nên bà không có ý kiến gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung: Bà P không đồng ý ly hôn nên bà P không có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

2.

3."

Như vậy, điều kiện cần là:

Thứ nhất, có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình, chẳng hạn như: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc cố ý xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng, lăng mạ hoặc có hành vi cố ý xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm…

Thứ hai, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, chẳng hạn như: Vợ hoặc chồng có hành vi phân biệt đối xử, gây bất bình đẳng nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ trong gia đình như việc ăn ở, chăm sóc, nuôi dưỡng con cái, quan hệ với gia đình, họ hàng hai bên; phân biệt đối xử, cản trở vợ hoặc chồng thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân như chọn nghề nghiệp, việc làm, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, tôn giáo. Vợ hoặc chồng có hành vi làm ảnh hưởng nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau.

Đối chiếu với quy định trên, trong trường hợp này mặc dù ông T khẳng định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nguyên nhân là do trong quá trình chung sống ông phát hiện bà P là người không trung thực, dối gạt chồng con để đi chơi cờ bạc, đặt chuyện nói xấu chồng, gây gổ trước mặt con cái làm con cái nhìn bố với góc độ không tốt dẫn đến vợ chồng có xô xát nhau nhưng ông T không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong suốt quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, bà P khẳng định những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn mà ông T trình bày là không đúng sự thật. Hơn nữa, theo kết quả xác minh của Công an xã Trung Lập Hạ xác định quá trình chung sống, vợ chồng ông T và bà P không có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, hiện tại ông T và bà P còn sống chung với nhau.

Từ những nhận định nêu trên cho thấy mặc dù vợ chồng ông T, bà P có xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại với nhau nhưng mâu thuẫn đó chưa thực sự làm cho cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ông T, bà P lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, dó đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Đây là tranh chấp Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Củ Chi. Căn cứ khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về tố tụng:* Xét thấy vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

Về yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến phản bác của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Ông T và bà P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 42 do Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 8 năm 1985, vì vậy có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của ông T và bà P thể hiện, quá trình chung sống giữa ông T và bà P tuy có những bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng có lời qua tiếng lại với nhau nhưng thực sự chưa phải là mâu thuẫn trầm trọng, điều này cũng phù hợp với trả lời xác minh của Công an xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *"Trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà P không có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay ông T và bà P còn sống chung với nhau tại căn nhà số Đường Tỉnh lộ A, tổ B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh"*. Xét thấy quá trình chung sống giữa ông T và bà P đôi khi vợ chồng có những bất đồng để xảy ra mâu thuẫn dẫn đến lời qua tiếng lại với nhau là điều không thể tránh khỏi trong cuộc sống hôn nhân.

Mặt khác, xét thấy quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông T khai nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bà P là người sống không trung thực, dối gạt chồng con để đi chơi cờ bạc, đặt chuyện nói xấu chồng, gây gổ trước mặt con cái làm con cái nhìn bố với góc độ không tốt, bản thân bà P là người sống không có trách nhiệm với gia đình, trong cuộc sống bà P thường hay có những lời lẽ xúc phạm chồng dẫn đến vợ chồng nhiều lần có xô xát nhau nhưng phía ông T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh trong quá trình vợ chồng chung sống bà P đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được mà thực tế cho thấy hiện nay hai bên vẫn đang chung sống một nhà và cùng sinh hoạt chung trong gia đình như bà P đã trình bày, điều này cũng đã được phía ông T thừa nhận, đồng thời cũng phù hợp với trả lời xác minh của Công an xã Trung Lập Hạ mà đây chỉ lời khai từ một phía của nguyên đơn và không được phía bị đơn thừa nhận, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận lời khai này của nguyên đơn.

Xét nguyện vọng của bà P mong muốn được đoàn tụ vợ chồng là chính đáng và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vì vậy nghĩ cần tạo điều

kiện cho cả hai có thêm thời gian suy nghĩ để khắc phục, sửa chữa những thiếu sót để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ và phân tích nêu trên, xét thấy lý do mâu thuẫn nguyên đơn đưa ra để yêu cầu ly hôn là chưa thỏa mãn các quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a Mục 8 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T xin ly hôn bà P.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà P có 03 người con chung tên T1, sinh năm: 1987; T2, sinh năm: 1992 và T3, sinh ngày: 28/02/2002. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn không được chấp nhận, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết về con chung.

[6] Về tài sản chung: Ông T và bà P xác định tự thỏa thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung. Trường hợp nếu sau này một trong các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân hoặc tranh chấp về xác định tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), ông T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0006700 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của ông T xin ly hôn bà P.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300,000đ (ba trăm nghìn đồng), ông T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300,000đ (ba trăm nghìn đồng) ông T đã nộp

theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0006700 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí. Bà P không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính